

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH B**

Bản án số: **05/DS-ST**

Ngày: 06 - 11 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đường Ông Điều Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 78/2020/ TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 v/v : “*Tranh chấp hợp vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ-HPT ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã P.T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm, 1986; (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu Phú, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H và bà Trần Thị Thanh T thông qua người quen là ông Nguyễn Hữu Phú nên vào ngày 07/9/2017 bà H có cho bà T vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Hai bên thống nhất làm giấy vay tiền và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, theo đó bà T có đưa cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 301960, Số vào sổ cấp GCN: CH 03487/CQ do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 03/8/2017, diện tích 7411,0m², thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất:

Thôn Bình Hà 2, xã Đa Kì, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước mang tên Hộ ông Nguyễn Lập Thiên và vợ Trần Thị Thanh T. Bà T cam kết đến ngày 07/3/2018 bà T sẽ trả đủ cho bà H số tiền trên. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà T không thực hiện theo thỏa thuận, bà H nhiều lần yêu cầu bà T trả nhưng bà T đều tỏ thái độ không muốn trả nợ cho bà H. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa bà Trần Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất phát sinh trên số nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Trần Thị Thanh T đã đưa cho bà H để làm tin trong việc vay tiền giữa bà T và bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà T được triệu tập hợp lệ vào các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà T đều vắng mặt không lý do, không nộp văn bản trình bày ý kiến cũng như bất kỳ tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai Người làm chứng - Ông Nguyễn Hữu Phú trình bày:

Bà Trần Thị Thanh T do kẹt tiền nên có hỏi ông Phú để mượn tiền nhưng ông Phú không có nên đã giới thiệu bà T đến chỗ Bà Trần Thị H để mượn số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng), ông Phú là người chứng kiến việc giữa bà H và bà T có làm giấy cam kết vay tiền và bà T giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H để làm tin, theo đó bà H đã đưa tận tay cho bà T số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn bà Trần Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt Bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Trong đơn khởi kiện và tài liệu chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thể hiện nội dung: Giấy cam kết vay tiền và cam kết trả nợ. Do vậy, đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, các đương sự có địa chỉ tại thị xã P, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[2] *Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn:*

Tại đơn khởi kiện, bản tự ghi lời khai, nguyên đơn đều trình bày là có cho Bị đơn vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào ngày 07/9/2017. Bị đơn có làm giấy cam kết thể hiện nội dung bà T có vay của bà H số tiền là 50.000.000đồng hẹn trong vòng 06 (sáu) tháng tức là đến ngày 07/3/2018 sẽ trả đủ và bà T có đưa cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BX 301960, Số vào sổ cấp GCN: CH 03487/CQ do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 03/8/2017, diện tích 7411,0m², thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: Thôn Bình Hà 2, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước mang tên Hộ ông Nguyễn Lập Thiên và vợ Trần Thị Thanh T để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà H nên bà H khởi kiện toàn bộ số tiền mà bà T nợ là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 50.000.000đồng.

Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp cũng như Tòa án thu thập thì Hội đồng xét xử xét thấy: Bản gốc Giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung bà T có vay của bà H số tiền là 50.000.000 đồng hẹn trong vòng 06 (sáu) tháng tức là đến ngày 07/3/2018 sẽ trả đủ, đến ngày khởi kiện, nguyên đơn bà H vẫn lưu giữ bản gốc Giấy vay tiền, tài liệu này không bị gạch bỏ hay bổ sung nội dung nào. Như vậy, nguyên đơn cho rằng bị đơn bà T chưa trả được khoản tiền nào trong số tiền 50.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất của bà H trên số nợ gốc là 50.000.000 đồng thì tại phiên tòa, Nguyên đơn rút yêu cầu phần này. Xét việc rút yêu cầu về phần lãi suất này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và Đình chỉ đối với yêu cầu về lãi suất.

Đối với giấy chứng nhận mà bị đơn giao cho nguyên đơn giữ để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đối với Giấy chứng nhận này. Xét việc đề nghị này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Đối với Bị đơn bà Trần Thị Thanh T:*

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà T vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với Thông báo thụ lý vụ án cũng như trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, không nộp bản tự ghi lời khai, không lên làm việc với Tòa án theo giấy triệu tập đương sự cũng như thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia hòa giải, thì xem như bà T đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Do vậy cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 235, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh T.

Buộc bà Trần Thị Thanh T trả cho bà Trần Thị H số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với Bị đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Bị đơn bà Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Nguyên đơn Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0006875 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền vắng kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã P;
- THADS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA